

TUẦN 22

Tiết 86:

Tiếng Việt:

CÂU TRẦN THUẬT

I. Tìm hiểu chức năng và đặc điểm hình thức của câu trần thuật:

1. Ví dụ:

a. Câu 1, 2: trình bày suy nghĩ của người viết.

Câu 3: nhắc nhở.

b. Câu 1: kể tả.

Câu 2: thông báo

c. Câu 1, 2: miêu tả.

d. Câu 2: nhận định, đánh giá.

Câu 3: biểu cảm.

⇒ **Câu trần thuật. Chức năng chính: tả, trình bày, kể, thông báo..**

* Chức năng phụ:

-Bộc lộ cảm xúc, yêu cầu, đề nghị, ra lệnh..

-Câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm đôi khi nó có thể kết thúc bằng dấu chấm lửng, dấu chấm than.

- Đây là kiểu câu cơ bản, được sử dụng phổ biến nhất.

2. Ghi nhớ: SGK/46

II. Luyện tập

Bài tập 1 :

a, Cả 3 câu đều là câu trần thuật:

Câu (1) kể, câu (2) (3) bộc lộ cảm xúc.

b, Câu (1): câu trần thuật dùng để kể

câu (2) cảm thán bộc lộ cảm xúc.

câu (3) (4): câu trần thuật bộc lộ cảm xúc cảm ơn.

Bài tập 2 :

+ở bản dịch nghĩa : đó là câu nghi vấn diễn tả sự lúng túng, bối rối của người nghệ sĩ.

+ở bản dịch thơ: đó là câu trần thuật , làm mất đi vẻ bối rối, xúc động của người nghệ sĩ.

Bài tập 3 :

a- Câu cầu khiến

b- Câu nghi vấn

c- Câu trần thuật

-> Cả ba câu đều dùng để cầu khiến nhưng câu b, c thể hiện ý cầu khiến nhẹ nhàng, nhã nhặn và lịch sự hơn trong câu a.

Bài tập 4: Đề là câu trần thuật dùng để cầu khiến và kể